

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình Đường giao thông vùng sản xuất cây ăn quả tập trung thôn 10,
xã Bãi Trành, huyện Như Xuân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Luật số 30/2016/QH14, Luật 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật
số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024 ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số
điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị
định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội
dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí
đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND huyện
Như Xuân về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông vùng sản
xuất cây ăn quả tập trung thôn 10, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân;*

*Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại báo cáo thẩm định số
44/KTHTĐT-TĐ ngày 06/5/2025 (kèm theo Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày
28/4/2025 của UBND xã Bãi Trành),*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Đường giao thông vùng sản xuất cây ăn quả tập trung thôn 10, xã Bãi Trành, huyện
Như Xuân, với các nội dung sau:

- Tên công trình:** Đường giao thông vùng sản xuất cây ăn quả tập trung
thôn 10, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân.
- Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND huyện Như Xuân.
- Chủ đầu tư:** UBND xã Bãi Trành.
- Mục tiêu đầu tư:** Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hệ thống đường
giao thông trên địa bàn huyện. Bảo đảm điều kiện đi lại, giao thương của nhân dân,

góp phần phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng và xóa đói giảm nghèo của địa phương.

5. Nhà thầu khảo sát, lập BC KTKT: Công ty cổ phần XD các công trình và thương mại 36.

6. Nhà thầu thẩm tra BC KTKT: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Hoàng Hưng.

7. Địa điểm xây dựng: xã Bãi Trành, huyện Như Xuân.

8. Loại, nhóm, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C;
- Loại công trình: Công trình giao thông;
- Cấp công trình: Công trình cấp IV.

9. Quy mô:

Đầu tư tuyến đường đảm bảo quy mô Đường GTNT loại A – theo tiêu chuẩn 10380: 2014, quy mô nền đường $B_{\text{nền}}=6,0\text{m}$, chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_{\text{lề}} = 2 \times 1,25 = 2,5\text{m}$; Công trình thoát nước bằng bê tông và bê tông cốt thép, tải trọng thiết kế H30-XB80; tần suất thiết kế $P = 4\%$.

10. Giải pháp thiết kế

10.1. Thiết kế bình diện:

Tuyến được thiết kế bám theo đường hiện trạng; cải tạo cục bộ các đường cong bán kính nhỏ đoạn đi bám theo đường hiện có để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường, nâng cao hiệu quả khai thác. Tổng toàn tuyến có 13 đỉnh đường cong nằm, trong đó 05 đỉnh góc A lớn không cấm cong. Chiều dài đầu tư tuyến đường $L=879,08\text{m}$

- Điểm đầu: Km0+00 giao với hành lang đường Hồ Chí Minh;
- Điểm cuối: Km0+879,08 kết nối với đường hiện trạng.

10.2. Thiết kế mặt cắt dọc:

Cao độ thiết kế trên mặt cắt dọc là cao độ tim đường, Tổng chiều dài tuyến $L=879,08\text{m}$, Độ dốc dọc lớn nhất $i_{\text{max}}=8,65\%$; gồm 01 đoạn, tổng chiều dài 103,97m

10.3. Thiết kế mặt cắt ngang: Quy mô mặt cắt ngang $B_{\text{nền}}=6,0\text{m}$ trong đó $B_{\text{mặt}}=3,5\text{m}$; $B_{\text{lề}}=2 \times 1,25=2,5\text{m}$. Độ dốc ngang mặt đường hai mái $i_{\text{m}}=2\%$, lề đường đất $i_{\text{l}}=4\%$

10.4. Thiết kế mặt đường:

Kết cấu áo đường gồm các lớp từ trên xuống như sau: Mặt đường BTXM M300 dày 22cm, lớp ni lông chống thấm, móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

10.5. Thiết kế nền đường:

- Đối với nền đào: Nền đào đất taluy đào thiết kế độ dốc taluy 1/1.1; Đối với nền đường đào dưới đáy lớp móng cuối cùng: đào thay nền và đắp trả đất lu lèn đảm bảo với độ chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm

- Đối với nền đắp: Nền đắp cấp mở rộng và làm mới đắp bằng đất đòi đạt độ chặt $K \geq 95$; lớp sát móng đường $K \geq 98$ dày 30cm. Mái ta luy đắp 1/1,5; gia cố mái thông thường bằng trồng cỏ. Trước khi đắp nền phải đào, bóc bỏ lớp đất không thích hợp (hữu cơ hoặc lớp bùn), hoặc phải đào cấp, nếu đắp nền trên sườn dốc $\geq 20\%$ chiều rộng đào cấp $B=1,0m$.

- Đoạn Km0+254,82-Km0+311,05 gia cố mái ta luy bằng BTXM M200 dày 20cm, chân khay BTXM M200 dưới lót đá dăm đệm dày 10cm.

10.6. Thiết kế nút giao, đường ngang:

- Nút giao: Vuốt nối với đường hiện trạng bằng giao bằng; Kết cấu áo đường trong phạm vi nút sử dụng như tuyến chính.

- Đường ngang: bán kính vuốt nối $\geq 3,0m$. Các vị trí giao cắt với đường ngang dân sinh được thiết kế vuốt nối đảm bảo êm thuận, chiều dài vuốt nối đảm bảo độ dốc dọc nhỏ hơn 6%, bán kính góc giao phù hợp với chiều rộng và góc giao; vuốt nối đường ngang bằng mặt đường bằng bê tông xi măng M300 dày 22cm trên lớp ni lông chống mất nước.

10.7. Thiết kế hệ thống thoát nước.

a. Thoát nước dọc.

- Rãnh chịu lực, tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh $B=0,5m$, thân rãnh bằng BTCT M250 đúc sẵn, tấm đan nắp rãnh bằng BTCT M300, rãnh dọc được bố trí tại ngã 3 giao với đường Hồ Chí Minh.

- Thoát nước dọc bằng chảy tỏa và rãnh dọc đất hình thang $KT=(40+120) \times 40cm$ được bố trí tại những đoạn đào đất hoặc đắp thấp.

- Rãnh dọc gia cố hình thang đối với đoạn có độ dốc dọc thiết kế $\geq 6\%$, kết cấu bằng bê tông M200, kích thước rãnh $(40+120) \times 40cm$.

b. Thoát nước ngang.

- Tuyến bao gồm 02 cống thoát nước: 01 cống bản $KĐ=3.4m$ và 01 cống bản $KĐ=1.0m$

- Kết cấu cống bản như sau: móng, thân, tường đầu, tường cánh, sân cống bằng bê tông M200; mũ mố bằng BTCT M250, dầm bản BTCT M300, đá dăm đệm móng dày 10cm. Móng cống, chân khay đặt trực tiếp trên nền thiên nhiên.

10.8. Hệ thống an toàn giao thông:

Cọc tiêu được chôn sát vai đường và phải cách mép phần xe chạy tối thiểu 0,5m; chiều cao cọc tiêu từ vai đường đến đỉnh cọc là 70cm, phần chôn vào bệ là 40cm. Kích thước $(15 \times 15 \times 110)cm$ bằng BTCT M200; phần đầu cọc tiêu 10cm sơn màu đỏ phản quang 1 lớp sau khi đã sơn trắng 2 lớp; phần tiếp theo 60cm sơn trắng 2 lớp; bệ cọc bằng bê tông M150, kích thước $(50 \times 50 \times 50)cm$. Trên phần đầu cọc

được gắn giấy phản quang 2 màu kích thước (10x10)cm. (màu đỏ ngược chiều xe chạy, màu vàng cùng chiều xe chạy), bố trí cắm cọc tiêu với khoảng cách giữa các cọc 5m/cọc).

11. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí:

Tổng mức đầu tư: 5.800.000.000 đồng

(Bằng chữ: Năm tỷ, tám trăm triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	4.987.320.000	đồng
- Chi phí QLDA:	150.817.000	đồng
- Chi phí tư vấn:	507.924.000	đồng
- Chi phí khác:	49.960.000	đồng
- Chi dự phòng:	103.979.000	đồng

12. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ là 5.000 triệu đồng, ngân sách huyện, ngân sách xã và nguồn huy động hợp pháp khác là 800 triệu đồng.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đủ năng lực thực hiện quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

15. Các nội dung khác: theo nội dung thẩm định của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại báo cáo thẩm định số 44/KTHTĐT-TĐ ngày 06/5/2025.

Điều 2. Giao UBND xã Bãi Trành căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND xã Bãi Trành, Khoa bạc Nhà nước khu vực X – Phòng Giao dịch số 10, Đội Thuế liên huyện Như Thanh – Như Xuân, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện (bc);
- Các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư (05 bản);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tuất

PHỤ BIỂU
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH
Công trình Đường giao thông vùng sản xuất cây ăn quả tập trung thôn 10, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	Chi phí xây dựng				4.617.889.049	369.431.124	4.987.320.000	Gxd
1	TUYỂN VÀ CÁC HẠNG MỤC TRÊN TUYỂN		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	4.617.889.049	369.431.124	4.987.320.000	
II	Chi phí quản lý dự án	3,024%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	139.644.965	11.171.597	150.817.000	Gqlđa
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				470.300.771	37.624.062	507.924.000	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa hình			Theo QĐ 37/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của UBND xã Bãi Trành	120.593.519	9.647.481	130.241.000	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	3.617.806	289.424	3.907.000	
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	3,236%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	149.434.890	11.954.791	161.390.000	
4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,336%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	18.619.329	1.489.546	20.109.000	
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,346%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	15.977.896	1.278.232	17.256.000	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,203%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	147.910.986	11.832.879	159.744.000	
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	4.910.568	392.845	5.303.000	
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	0,1%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	4.617.889	369.431	4.987.000	
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,1%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	4.617.889	369.431	4.987.000	
IV	Chi phí khác				49.036.323	923.578	49.960.000	Gk
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,25%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	11.544.723	923.578	12.468.000	

2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	1.102.000		1.102.000	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,541%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	31.389.600		31.390.000	
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	5.000.000		5.000.000	
V	Chi phí dự phòng						103.979.000	Gdp
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	1,83%		(Gxd+Gqlđa+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			103.979.000	
	Tổng cộng						5.800.000.000	Gxdct